ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ



LẬP TRÌNH ROBOT VỚI ROS BÁO CÁO GIỮA KÌ XÂY DỰNG MÔ PHỔNG VÀ ĐIỀU KHIỂN ROBOT

Họ và tên: Nguyễn Huy Thắng

Lóp: K67E-RE

Mã lớp: RBE3007-1

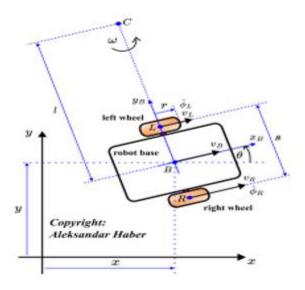
I. Giới thiệu dự án

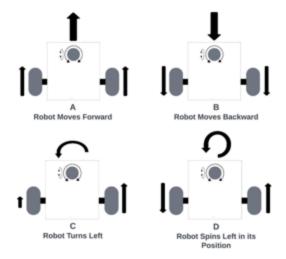
1. Mục tiêu dự án

Dự án thiết kế robot hai bánh vi sai (Differential drive robot) với tay máy hai khớp quay (Rotation) sử dụng lidar, camera và imu để phát hiện vật thể, nhận diện vật thể và điều khiển vận tốc gia tốc của robot. Ngoài ra robot còn tích hợp tay máy hai khớp quay có thể di chuyển linh hoạt

2. Yêu cầu đặt ra:

- Có mô hình vẽ 3D Solidworks
- Xuất được file URDF/Xacro và chạy tốt trong ROS
- Các cảm biến hoạt động tốt
- Mô phỏng điều khiển robot vi sai và tay máy di chuyển
- 3. Dạng robot, động học và kích thước dự đoán
- a. Dạng robot: Robot vi sai có hình dạng hình chữ nhật có hai bánh vi sai kết hợp một bánh đa hướng giúp xe di chuyển linh hoạt
- b. Động học





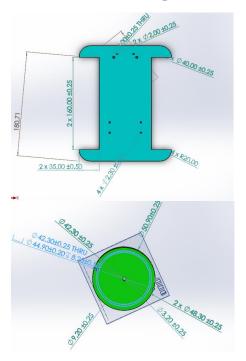
- Khi robot di chuyển cùng tốc độ ở hai bánh robot sẽ tiến hoặc lùi
- Khi vận tốc bánh phải lớn hơn vận tốc bánh phải robot sẽ rẽ trái và ngược lại
- Khi hai bánh di chuyển cùng vận tốc nhưng ngược chiều robot sẽ quay tròn tại một vị trí

c. Kích thước dư đoán

- Khung xe có kích thước 200x250 mm có thể chứa lidar, camera và imu.
- Bánh xe với kích thước dự đoán với bán kính 25-30mm.
- Tay máy sẽ được đặt ở tầng thứ 2 gồm: trụ tay máy liên kết khớp thứ nhất và liên kết khớp thứ hai với kích thước dự đoán khoảng 100mm

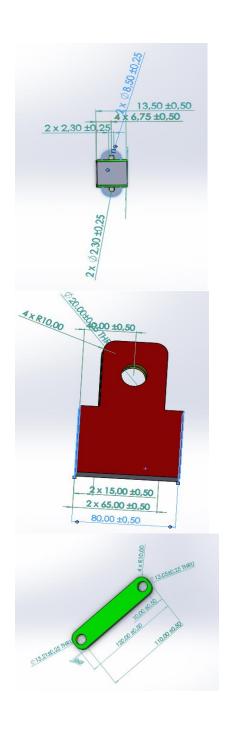
II. Thiết kế Solidworks và đặt các trục tọa độ

1. Thiết kế các bộ phận trên Solidworks



Thân xe

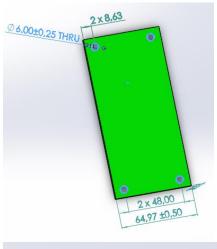
Bánh xe



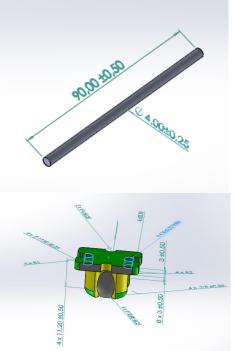
Trụ đỡ motor

Trụ tay máy

Link 1 và link 2



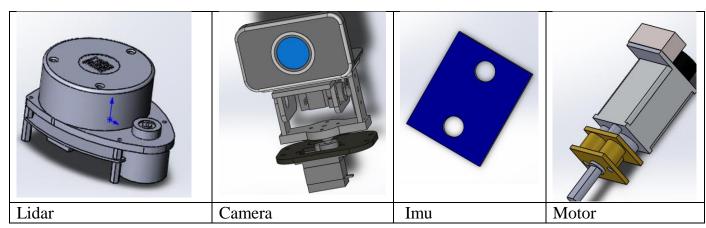
Tầng trên



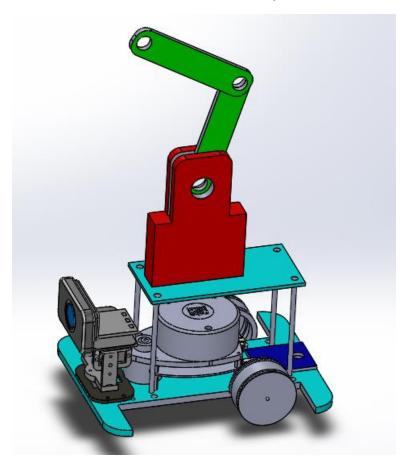
Trụ đỡ

Bánh đa hướng

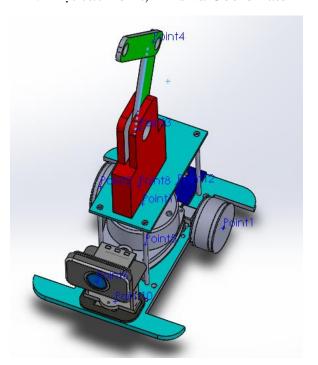
Ngoài ra còn các linh kiện điện tử sử dụng trên Grabcad như: lidar, camera và motor



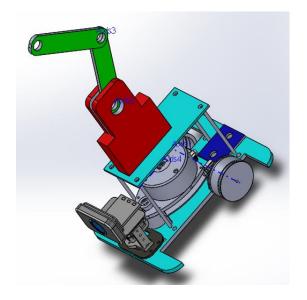
Tiến hành mate các chi tiết trên ta được robot như hình



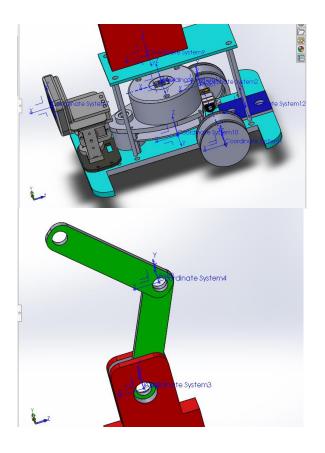
2. Đặt các Point, Axis và Coordinate



Ta xác định các điểm mà khớp quay quay: khớp tay máy, bánh xe,... ngoài ra còn các cảm biến ta sẽ sử dụng trong Gazebo và Rviz: lidar, camera, imu

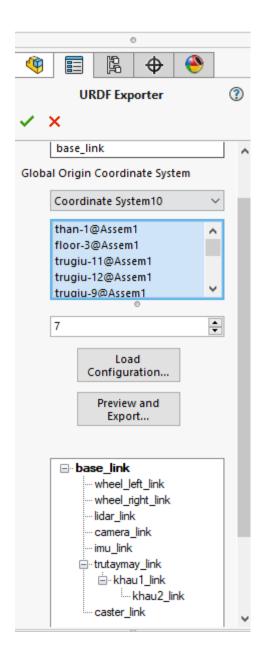


- Xác định các trực quay quanh
 Axis 1 cho hai bánh quay quanh
 Axis 2 cho khớp thứ nhất quay quanh
 - Axis 3 cho khóp thứ hai quay quanh

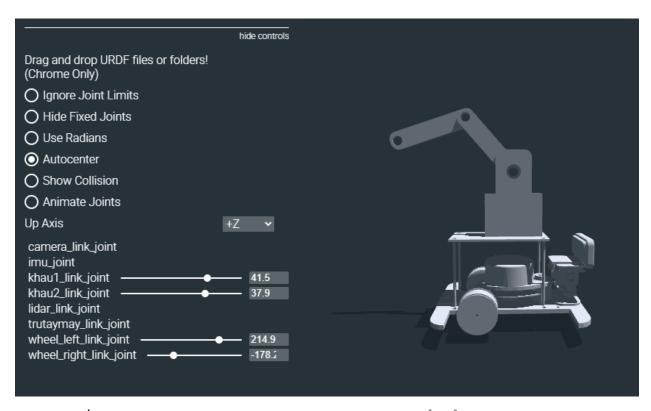


Tiến hành đặt trục cho các point

3. Export as URDF.



- Bước đầu ta cần chọn các phần sẽ cố định không cần thiết đặt là base_link
- Bước thứ hai ta sẽ chọn các part nối với base link mà sẽ sử dụng để điều khiển trong Gazebo: hai bánh trái phải, lidar, camera, imu, trụ tay máy. Xác định các child của parent cụ thể là trụ tay máy sẽ gắn với khâu 1 và khâu 1 liên kết khâu 2.
- Bước thứ ba sẽ chọn các khâu fixed hay bánh xe (continuous) hoặc tay máy (revolate)

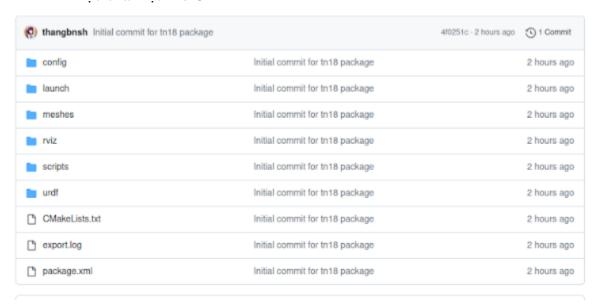


Sau đó xuất file URDF. Trước khi nhúng vào Gazebo có thể kiểm tra lại trên web URDF viewer example và test chuyển động tay máy và bánh xe nếu đặt trục tọa độ đúng

III. Cấu trúc file URDF

1. Giới thiêu về URDF

Các thư mục của một file URDF



/config: chứa các file .yaml gồm cấu hình các link và điều khiển ROS Control

/launch: gồm các file .launch mở gazebo và rviz

/meshes: chứa các khâu, khóp, baselink và linh kiện của robot

/rviz: là file setup các topic trong rviz

/scripts: chứa các file .py chứa file control_arm điều khiển tay máy và imu_read đọc giá trị cảm biến imu

/urdf: chứa file .urdf bao gồm các link trong robot và plugins giúp điều khiển vi sai, tay máy và các cảm biến

/CMakeLists.txt: Cấu hình biên dịch cho chương trình

Package.xml: Khai báo các dependence của package

2. File .urdf

- Bao gồm các link code cấu trúc dạng .xml, một đoạn code về một link có các phần như sau:
 - <robot khai báo thẻ
 - link name định nghĩa bộ phần
 - < các thuộc tính của link như hình dạng, độ rộng chiều dài, link tới .mesh, màu sắc, vật liệu.
 - <joint> định nghĩa các khóp nối gồm parent, child, kiểu khóp (quay, cố định,...), vị trí khóp, giới hạn lực effort, tốc độ quay,...
- Các phần plugins dùng để điều khiển robot vi sai, tay máy và các cảm biến

a. Điều khiển vi sai

```
593
594
        <plugin name="differential drive controller" filename="libcazebo ros diff drive.so">
           <updateRate>188</updateRate>
595
596
          <leftJoint>wheel_left_link_joint</leftJoint>
597
          <ri>drightJoint>wheel right link joint</rightJoint>
599
          <wheelSeparation>0.5380</wheelSeparation>
           <wheelDiameter>0.2410</wheelDiameter>
          <wheelAcceleration>0.5</wheelAcceleration>
682
          <wheelTorque>29</wheelTorque>
          <commandTopic>cmd vel</commandTopic>
684
          <odosetryTopic>odos/odosetryTopic>
           <odonetryFrame>odon</odonetryFrame>
696
           <robotBaseFrame>base_link</robotBaseFrame>
687
          sodometrySource>1s/odometrySource>
          <publishwheelTE>true</publishwheelTE>
          <publishOdom>true</publishOdom>
689
               spublishWheelJointState>true</publishWheelJointState>
610
611
612
          <legacyMode>false</legacyMode>
613
        </plugin>
       </gazebo>
```

Plugin nhận lệnh từ ROS topic /cmd_vel (twist)

Plugin tính toán vận tốc từng bánh vào kinematic xe vi sai sau đó gửi momen xoắn tới các bánh qua joint effort

Plugin xuất odom lên /odom để dùng cho localization, có thể xuất TF robot.

b. IMU

```
<gazebo reference="imu_link">
        <sensor name="imu_sensor" type="imu">
562
          <always on>true</always on>
563
          <update_rate>100</update_rate>
564
          <visualizestrue</pre>/visualizes
         <scale>0.1 0.1 0.1</scale>
        <plugin filename="libgazebo_ros_imu_sensor.so" name="imu_plugin">
           <topicName>/imu</topicName>
567
            <br/><br/>bodyName>imu_link</bodyName>
          <frameName>imu_link</frameName>
KAG
          <gaussianNoise>0.01</gaussianNoise>
          <xyz0ffset>8 0 0</xyz0ffset>
         <rpyOffset>8 8 8</rpyOffset>
572
            <initialOrientationAsReference>false</initialOrientationAsReference>
        </plogin>
        <pose>0 0 0 1.5708 0</pose>
576 </sensor>
        </rd>
```

IMU thu thập dữ liệu gửi lên ROS sensor_msgs/Imu

Cho phép các node khác có thể subcribe và topic này để sử dụng dữ liệu. Ứng dụng trong đo lường quỹ đạo di chuyển, giữ cân bằng và điều hướng odom

c. Lidar

```
<gazebo reference="lidar_link">
        <sensor type="ray" name="lidar_sensor">
624
          <pose>0 0 0 0 0</pose>
          <visualize>true</visualize>
627
          <update_rate>30</update_rate>
          <ray>
629
            <scan>
630
             <horizontal>
               <samples>728</samples>
632
               <resolution>1</resolution>
633
                <min_angle>-3.1416</min_angle>
634
                <max_angle>3.1416</max_angle>
             </horizontal>
635
637
          <range>
638
              <min>0,1</min>
639
              <max>30.0</max>
649
              <resolution>0.81</resolution>
          </range>
642
          <noise>
643
              <type>qaussian</type>
              <mean>0.8</mean>
645
              <stddev>0.01</stddev>
            </noise>
647
648
          <plugin name="gazebo_ros_laser" filename="libgazebo_ros_laser.so">
```

```
646 </noise>
647 </ray>
648 <plugin name="gazebo_ros_laser" filename="libgazebo_ros_laser.so">
649 <topicName>/scan</topicName>
650 <frameName>lidar_link</frameName>
651 </plugin>
652 </sensor>
```

Lidar phát xung laser theo hướng nhất định phát hiện vật cản sẽ phản lại.

Setup góc quay 360 độ từ (-3.14,3.14) giúp quét toàn bộ map.

Độ phân giải góc res=1 mỗi bước quét cách nhau một đơn vị góc

Khoảng cách quét từ 0.1 đến 30m

d. Camera

```
653
       </gazebo>
654
       <gazebo reference="camera link">
        <sensor type="camera" name="camera1">
656
           <update_rate>30.0</update_rate>
657
           <camera name="head">
858
             <horizontal_fov>1.3962634</horizontal_fov>
659
            <1mage>
              <width>800</width>
661
              <height>808</height>
662
               <format>R8G8B8</format>
             </image>
664
            eclip>
              <near>0.02</near>
666
              <far>300</far>
667
             c/clip>
668
             <noise>
669
              <type>gaussian</type>
               <mean>0.0</mean>
671
               <stddev>0.007</stddev>
 664
              <clip>
 665
                <near>0.02
                <far>300</far>
 667
              </clip>
 668
              <noise>
 669
                <type>gaussian</type>
 679
                <mean>A . Re/mean>
                <stddev>0.007</stddev>
 672
              </noise>
 673
            </capera>
 674
            <plugin name="camera_controller" filename="libgazebo_ros_camera.so">
 675
              <always0n>true</always0n>
 676
              <updateRate>0.0/updateRate>
 677
            <cameraName>rrbot/camera1</cameraName>
 678
              <imageTopicName>image_raw</inageTopicName>
              <cameraInfoTopicName>camera_info</cameraInfoTopicName>
 689
              <frameName>camera_link</frameName>
 681
              <hackBaseline>0.07</hackBaseline>
              <distortionKi>0.0</distortionKi>
              <distortionK2>0.0/distortionK2>
 683
              <distortionK3>0.0</distortionK3>
 685
              <distortionTi>0.0</distortionTi>
              <distortionT2>0.0</distortionT2>
 686
 687
            </plugin>
 688
         </sensor>
 689
       </gazebo>
```

Camera thu nhận ánh sáng từ môi trường sau đó tạo hình ảnh chuyển thành ảnh số, với mỗi pixel trong ảnh biểu diễn cường độ ánh sáng và màu sắc từ môi trường.

Plugin này cho phép camera hoạt động trong Gazebo và xuất dữ liệu ra ROS.

Camera chụp ảnh với tốc độ 30fps, ảnh được xuất lên topic ROS image_raw. Mô phỏng dạng ống kính.

e. Điều khiển tay máy

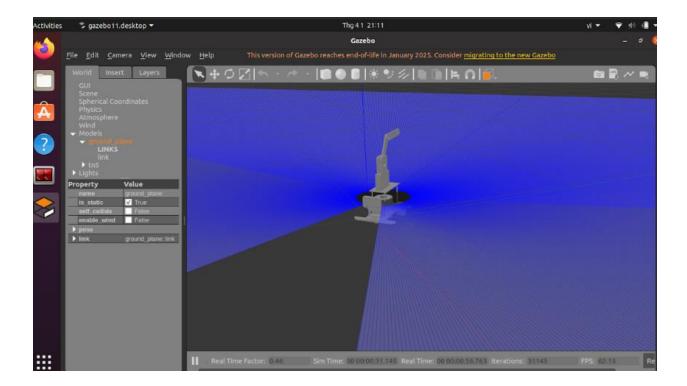
```
<transmission name="khau1_trans">
708
           <type>transmission interface/SimpleTransmission</type>
           <joint name="khaui_link_joint">
702
              <hardwareInterface>hardware_interface/EffortJointInterface</hardwareInterface>
703
           <actuator name="khau1_actuator">
              <hardwareInterface>hardware_interface/EffortJointInterface</hardwareInterface>
705
               <mechanicalReduction>1.0</mechanicalReduction>
707
          </actuators
     </transmission>
768
710
     <transmission name="khau2 trans">
711
           <type>transmission interface/SimpleTransmission</type>
           <joint name="khau2 link joint">
              <hardwareInterface>hardware_interface/EffortJointInterface</hardwareInterface>
713
715
           <actuator name="khau2_actuator">
716
              <hardwareInterface>hardware_interface/EffortJointInterface/hardwareInterface>
               <mechanicalReduction>1.0</mechanicalReduction>
718
          </actuator>
719
     </transmission>
```

<transmission> truyền chuyển động cho hệ thống robot

Khai báo các khớp nối (joint). Bên trong <joint>, phần <hardwareInterface> xác định giao diện phần cứng mà khớp này sử dụng (EffortJointInterface).

Các bộ truyền động actuator đại diện cho các bộ điều khiển khớp EffortJointInterface truyền lực đến khớp.

Sau khi chạy file urdf trên ta được kết quả mô phỏng sau



3. Yaml

```
1 joint_state_controller:
    type: joint_state_controller/JointStateController
     publish_rate: 100
 5 khau1_controller:
    type: effort_controllers/JointPositionController
    joint: khau1_link_joint
   pid: {p: 5.0, i: 0.005, d: 0.05}
max_effort: 1.0
    velocity_limit: 1
10
11
12 khau2_controller:
13 type: effort_controllers/JointPositionController
14 joint: khau2_link_joint
    pid: {p: 5.0, i: 0.005, d: 0.05}
max_effort: 1.0
15
16
17
     velocity_limit: 1
18
```

Sử dụng bộ điều khiển JointPositionController điều khiển vị trí khớp dựa trên PID.

Các thông số PID được điều chỉnh để tay máy chạy mượt mà.

Giới hạn effort và velo để tay máy quay không bị giật mạnh làm ảnh hưởng chuyển động.

4. Launch

File launch cho phép mở cùng lúc gazebo, rviz cùng lúc và link đến file configrviz.rviz đã có setup sẵn các topic cảm biến

```
2
        <!-- Load Gazebo -->
        <include file="$(find gazebo_ros)/launch/empty_world.launch" />
        <!-- Spawn Robot Model -->
      <node name="spawn_model" pkg="gazebo_ros" type="spawn_model"</pre>
             args="-file $(find tn13)/urdf/tn13.urdf -urdf -model tn13"
             output="screen" />
 8
10
        <!-- Fake Joint Calibration -->
        <node name="fake_joint_calibration" pkg="rostopic" type="rostopic"</pre>
11
12
              args="pub /calibrated std msgs/Bool true" />
14
        <!-- Load robot URDF -->
         <param name="robot description" command="$(find xacro)/xacro $(find tn13)/urdf/tn13.urdf" />
15
16
         <!-- Node xuất thông tin trạng thái khớp -->
         <node name="joint_state_publisher_gui" pkg="joint_state_publisher_gui" type="joint_state_publisher_gui" />
        <!-- Node xuất trạng thái robot -->
20
        <node name="robot_state_publisher" pkg="robot_state_publisher" type="robot_state_publisher" />
        <!-- RViz hiển thi robot và cảm biến -->
23
        <node name="rviz" pkg="rviz" type="rviz" args="-d $(find tn13)/rviz/configrviz.rviz" output="screen" />
```

5. Scripts

a. Control_arm

Khi chạy chương trình, nó sẽ đọc các phím nhấn (w, s, a, d, q) từ bàn phím để điều khiển các khớp (khau1_link_joint và khau2_link_joint) của tay máy.

```
#!/usr/bin/env python3
      import rospy
      import sys, select, termios, tty
     from std_msgs.msg import Float64
7 v msg = """
8 Điều khiến tay máy:
        Nhán 'w' để tăng khau1_link_joint
10
        Nhấn 's' để giảm khaui link joint
12
        Nhấn 'a' để tăng khau2_link_joint
         Nhân 'ơ' để giảm khau2_link_joint
13
        Nhán 'q' để thoát
14
15
16
17
     # Mộc điều chính góc mỗi lần nhấn phim (radians)
18
19
      step_size = 8.1
20
21 # Biá tri ban đầu của các joint
22
     khau1_angle = 0.8
23
     khau2_angle = 0.0
25 v def get_key():
      ""Boc phim to terminal"""
26
27
        tty.setraw(sys.stdin.fileno())
        select.select([sys.stdin], [], [], 0)
```

Gửi giá trị góc (đơn vị radians) đến các topic ROS để điều chỉnh vị trí khớp. Khi nhấn q, chương trình sẽ dừng lại.

```
def get_key():
          """Boc phim từ terminal"""
26
27
         tty.setraw(sys.stdin.fileno())
28
         select.select([sys.stdin], [], [], 0)
        key = sys.stdin.read(1)
29
        termios.tcsetattr(sys.stdin, termios.TCSADRAIN, settings)
31
         return key
32
33 v def teleop_control():
34
         global khau1_angle, khau2_angle
        rospy.init_node('arm_teleop')
37
         khau1_pub = rospy.Publisher('/khau1_controller/command', Float64, queue_size=10)
         khau2_pub = rospy.Publisher('/khau2_controller/command', Float64, queue_size=10)
39
          rospy.sleep(1)
41
         print(msg)
42
         while not rospy.is_shutdown():
44
             key = get_key()
            if key == 'w';
47
                 khauf_angle += step_size
              elif key == 's':
                 khau1_angle -= step_size
             elif key = 'a':
                 khau2_angle += step_size
```

```
33
      def teleop_control():
                  khaui_angle -= step_size
50
             elif key == 'a':
51
                  khau2_angle += step_size
              elif key == 'd':
                 khau2_angle -= step_size
53
             elif key == 'q':
                print("\nThoát teleop!")
55
56
57
        rospy.loginfo(f"Khóp 1: {khaut_angle}, Khóp 2: {khau2_angle}")
khau1_pub.publish(Khau1_angle)
58
60
             khau2_pub.publish(khau2_angle)
65
         rospy.signal_shutdown("Tat teleop")
63
    if __name__ -- "__main__":
65
         settings = termios.tcgetattr(sys.stdin)
56
           teleop_control()
68
         except rospy.ROSInterruptException:
69
           pass
       finally:
              termios.tcsetattr(sys.stdin, termios.TCSADRAIN, settings)
```

Khi ấn w/s/a/d để điều chỉnh góc, giá trị góc sẽ được gửi đến ROS qua publisher. Controller của ROS đọc dữ liệu từ topic và điều khiển động cơ.

b. Imu read

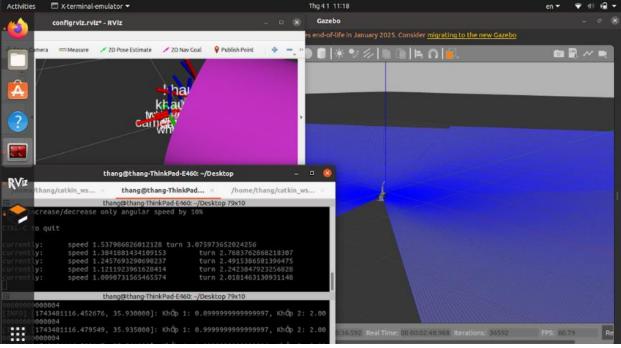
```
#!/usr/bin/env python3
      import rospy
4
     from sensor_msgs.msg import Inu
      import time # Thêm thư viện để theo đội thời gian
     last_log_time = 0 # Lunu thời gian log lần trước
    log_interval = 1.8 # 61Am log xuống 1 làn mỗi giây
10 v def inu_callback(data):
        global last_log_time
          current_time = time.time()
14 # Chi log néu đã qua it nhất 'log_interval' giây
15 if current_time - last_log_time >= log_interval;
              rospy.loginfo(f"Crientation: x-{data.orientation.x}, y-{data.orientation.y}, z-{data.orientation.z}, w-{data.crientation.y}
17
              rospy.loginfo(f"Angular Velocity: x={data.angular_velocity.x}, y={data.angular_velocity.y}, z={data.angular_velocity.y}
             rospy.loginfo(f"Linear Acceleration: x={data,linear_acceleration.x}, y={data,linear_acceleration.y}, z={data,l
              rospy.loginfo("----")
20
              last_log_time = current_time # Cap nhát thời gian log gần nhất
     der imu_listener();
22
23
         rospy.init_node('imu_listener', anonymous=True)
        rospy.Subscriber("/inu/data", Inu, inu_callback)
25
        rospy.spin()
     if _name_ = '_main_':
27
28
          inu listener()
```

Đọc dữ liệu gia tốc và vận tốc từ imu sau đó có thể subscriber để lấy dữ liệu IMU.

IV. Kết quả chạy gazebo, rviz

1. Điều khiển xe

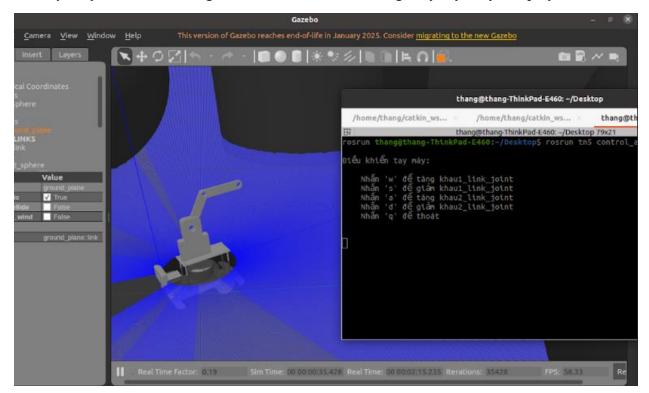
Điều khiển xe bằng teleop từ bàn phím. Hiện tf ta thấy 2 bánh đã xoay và dữ liệu đã được trả về



Bánh xe trên tf rviz đã quay

2. Điều khiển tay máy

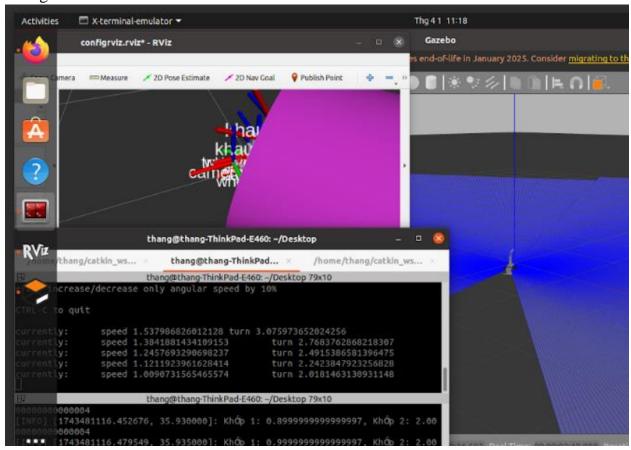
Tay máy điều khiển bằng w/s/a/d và check tf ta cũng thấy tay máy đã quay



Tay máy điều khiển bằng w/s/a/d và check tf ta cũng thấy tay máy đã quay

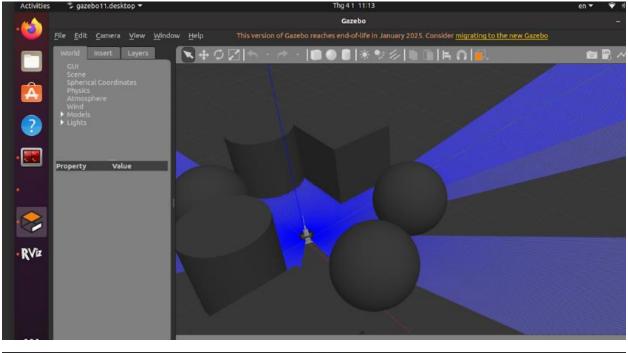
3. Imu

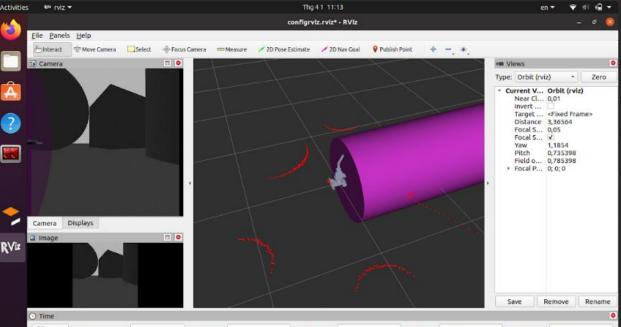
huong



Khi robot chạy ta thấy mũi tên tím biểu thị cho topic imu đã hoạt động

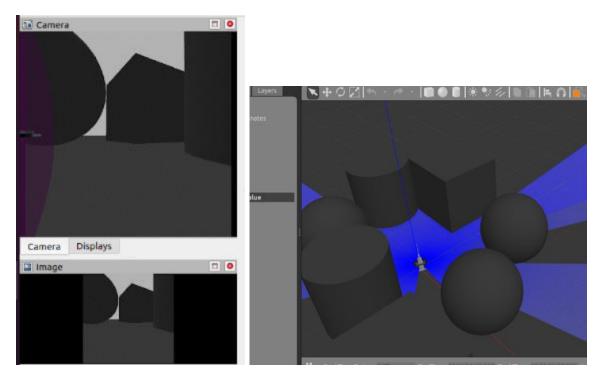
4. Lidar





Lidar đọc các vật cản trên gazebo và hiển thị các viền chấm đỏ biểu thị có vật cản

5. Camera



Xe phát hiện các vật trước mặt và hiển thị lên topic camera